

TÔNG QUYỂN TĂNG CHÍNH

ở nơi truyền khẩu của Đường Quốc Sư

Việt dịch : HUYỀN THANH

1) ĐẠI TÙY CẦU CĂN BẢN ẤN :

Hai tay cài chéo các ngón bên trong lòng bàn tay rồi nắm lại thành quyền (Nội tương xoa) Hợp dựng 2 ngón giữa, đặt 2 ngón trỏ phía sau lưng 2 ngón giữa rồi hơi co lại như móc câu. Hợp dựng 2 ngón út, 2 ngón cái rồi hơi co lại, liền thành.

Tiếng Phạn là : Phộc Nhật-la (VAJRA) _ Đường dịch là : NGŨ CỔ KIM CƯƠNG XỬ (Chày Kim Cương có 5 chĩa móc)



2) NHẤT THIẾT NHƯ LAI TÂM CHÂN NGÔN :

Úp tay trái, ngửa tay phải sao cho dính lưng nhau. Ngón giữa trợ lưng , móc cứng nhau như hình cây búa, liền thành.

Tiếng Phạn là : Bạt La Thú (PARA'SŪ) Đường dịch là : Việt Phủ (Cây Búa)

An ghi là : Dựng lưng 2 bàn tay, ngón giữa cùng móc nhau



3) NHẤT THIẾT NHƯ LAI TÂM ẤN CHÂN NGÔN :

Hai tay cài chéo các ngón bên trong lòng bàn tay rồi nắm lại thành quyền . Dựng 2 ngón giữa dính đầu nhau rồi co lại khiến cho tròn trịa, liền thành

Tiếng Phạn là: Bả La Bá xá (PRAPÀ'SA) Đường dịch là: Sách (sợi dây)



4) NHẤT THIẾT NHƯ LAI KIM CƯƠNG BỊ GIÁP CHÂN NGÔN ẤN :

Chấp hai tay lại. Co lỏng giữa của 2 ngón trỏ khiến bằng phẳng ,đồng thời 2 đầu ngón dính nhau , liền thành.

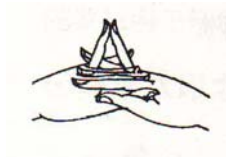
Tiếng Phạn là : Kiệt Nga (KHA NGA) Đường dịch là : Kiếm (cây kiếm)



5) NHẤT THIẾT NHƯ LAI QUÁN ĐỈNH CHÂN NGÔN ẤN :

Hai tay cài chéo các ngón bên ngoài rồi nắm lại thành quyền (Ngoại tương xoa)
Hợp dựng 2 ngón vô danh, đem 2 ngón út giao nhau, liền thành.

Tiếng Phạn là : Chức Yết La (CAKRA) Đường dịch là : Luân (bánh xe)



6) NHẤT THIẾT NHƯ LAI KẾT ẤN CHÂN NGÔN :

Hai ngón cái vịn trên móng 2 ngón út. Dựng hợp các ngón còn lại như hình Tam Kịch Xoa (cây giáo có 3 chĩa) liền thành.

Tiếng Phạn là : Đễ lị Thú La (TRI'SÙLA) Đường dịch là : Tam Cổ Xoa



7) NHẤT THIẾT NHƯ LAI TÂM TRUNG TÂM CHÂN NGÔN ẤN :

Hai tay cài chéo các ngón bên ngoài rồi nắm lại thành quyền. Dựng 2 ngón trỏ trụ đầu ngón dính nhau như hình bấu. Kèm cứng 2 ngón cái, liền thành.

Tiếng Phạn là : Tiến Đá Ma Ni (CINTÀMAᅀI) Đường dịch là : Bảo (viên ngọc bấu Như Ý)



8) NHẤT THIẾT NHƯ LAI TÙY TÂM CHÂN NGÔN ẤN :

Ngửa tay phải đặt ngay trái tim, dương 5 ngón tay. Đem tay phải úp trên tay trái cùng hợp nhau bằng phẳng, liền thành.

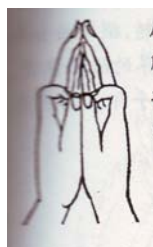
Tiếng Phạn là : Ma Ha Vĩ Nễ-Dã Đà La Ni (MAHÀ VIDYA DHÀRAṆÌ) Đường dịch là : Đại Minh Tổng Trì .



TỪ GIÁC Đại Sư nói Đại Tỳ Cầu Ấn chính là Nội Phộc Ngũ Cổ Ấn

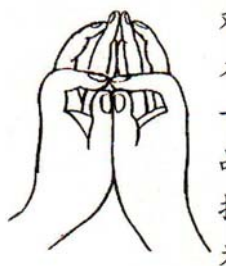
☐ TÔN THẮNG PHẬT ĐỈNH ẤN :

Chấp tay giữa rỗng, co 2 Phong (2 ngón trỏ) sao cho móng ngón tay cùng đối nhau. Đem 2 Không (2 ngón cái) vịn bên cạnh 2 Phong (2 ngón trỏ) như thế búng tay



☐ VẤN THÙ CĂN BẢN ẤN :

Chấp tay giữa rỗng, úp 2 Hỏa (2 ngón giữa) vịn 2 Thủy (2 ngón vô danh) sao cho đầu ngón trụ dính nhau. Co 2 Phong (2 ngón trỏ) vịn ngay trên 2 Không (2 ngón cái) .



Lại nói Nội Phộc . Hợp dựng 2 Địa (2 ngón út) Co 2 Phong (2 ngón trỏ) đặt nằm ngang trên 2 Không (2 ngón cái) .

☐ MÃN TÚC CÚ ẤN :

Hợp 2 Địa (2 ngón út) như cây kim. Hai Thủy (2 ngón vô danh) móc nhau bên trong lòng bàn tay. Hai Hỏa (2 ngón giữa) như hình bấu. Co 2 Phong (2 ngón trỏ) vịn trên 2 Không (2 ngón cái)

Chân Ngôn là :” A Vĩ la hồng khiếm “

*) A VIRÀ HÙM KHAM

Trình Quán năm thứ 19, tháng ba, ngày 12

Truyền Đại Bi Tam Muội Gia Chân Ngôn là :

**“ Quán Âm bát nột mang, sâm măn đá cốt đà nẫm _ Át duệ thiên tá gia_ Tát
la-bả tát đát-bả, xả dĩa_ Tát đá , Tát-bả ha “**

25/08/2007